

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ



QUY TRÌNH
THỦ TỤC TÀU BIỂN VÀO CẢNG DẦU KHÍ NGOÀI KHƠI VÀ HOẠT
ĐỘNG TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

MÃ SỐ : **QT.QLKCHT.18**
LẦN BAN HÀNH : **06**
NGÀY BAN HÀNH : **01/01/2026**

Huế, tháng 01/2026

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI ÁP DỤNG
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phan Văn Thành	Lê Xuân Hoà	Nghiêm Giang Nam
Chữ ký			
Chức vụ	Trưởng phòng QLKCHT	Phó Giám đốc	Giám đốc

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi
Cho phù hợp với quy định hiện hành và thực tế giải quyết thủ tục tàu thuyền vào, di chuyển, rời cảng	BM.QLKCHT.18-Mẫu 46-ND58	Sửa đổi, bổ sung biểu mẫu BM.PCHH-Mẫu 46-ND58 Kế hoạch điều động tàu thuyền	01	04/5/2023
Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành	Tất cả các trang	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung và biểu mẫu	02	12/12/2024
Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành	Tất cả các trang	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung và biểu mẫu	03	08/4/2025
		Thay đổi mã Quy trình		
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định hiện hành	Các trang có liên quan	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung và biểu mẫu	04	20/10/2025
Sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định hiện hành	Các trang có liên quan	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung và biểu mẫu	05	01/01/2026

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

1. MỤC ĐÍCH

Quy trình này thống nhất biểu mẫu, trình tự thực hiện trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng đối với Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế trong việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015.
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải.
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải.
- Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.
- Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải.
- Thông tư số 74/2021/TT-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

4.1. Định nghĩa và giải thích từ ngữ

4.1.1. Định nghĩa: Không áp dụng.

4.1.2. Giải thích từ ngữ:

- Người làm thủ tục: chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền thực hiện việc

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

khai báo và làm thủ tục theo quy định với các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển.

- Chuyên viên thủ tục: là người được phân công tiếp nhận, tham mưu giải quyết thủ tục tàu thuyền đến và rời cảng trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Kế toán thu phí: là người được phân công thu phí, lệ phí hàng hải của tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Lãnh đạo phòng: là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Quản lý kết cấu hạ tầng hoặc Trưởng Đại diện, Phó Trưởng Đại diện trực thuộc Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- Lãnh đạo đơn vị: Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách trực tiếp, người được ủy quyền.

- Website đơn vị: là Cổng thông tin điện tử của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế tại địa chỉ: cangvuhanghaithuathienhue.gov.vn

4.2. Chữ viết tắt

- ND58: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ.
- ND74: Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ.
- ND34: Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ.
- TT261: Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- TT90: Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- TT74: Thông tư số 74/2021/TT-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Tàu vào cảng dầu khí: tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

- CVHHTTH: Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế.

- CQQLNNCN: Cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành.

- NLTT: Người làm thủ tục.

- BKC: Bản khai chung.

- TBTĐ: Thông báo tàu đến cảng.

- XBTĐ: Xác báo tàu đến cảng.

- DSTV: Danh sách thuyền viên.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

- DSHK: Danh sách hành khách.
- BKHHNH: Bản khai hàng hóa nguy hiểm.
- GPRC: Giấy phép rời cảng.
- KHĐĐ: Kế hoạch điều động tàu thuyền.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015.
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải;
- Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải và Thông tư số 17/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 hướng dẫn thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí hàng hải;
- Thông tư số 74/2021/TT-BTC ngày 27/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

5.2. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

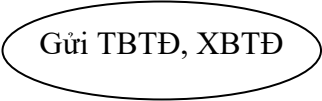
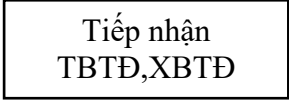
TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
2	Thông báo tàu đến cảng	09 10	
3	Xác báo tàu đến cảng (nếu có theo quy định)		
4	Bản khai chung		Bản chính
5	Danh sách thuyền viên		Bản chính
6	Danh sách hành khách (nếu có)		Bản chính
7	Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có)		Bản chính
8	Giấy phép rời cảng (nếu không có giấy phép rời cảng điện tử)		Bản chính

5.3. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

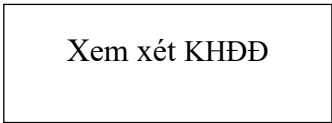
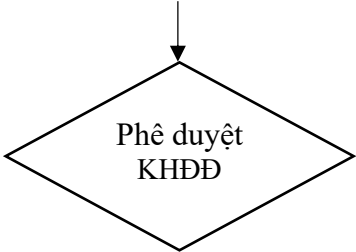
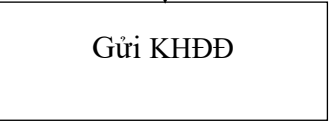
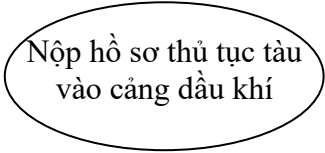
Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Khu vực Thuận An: Trụ sở CVHHTTH - Khu vực Chân Mây: Văn phòng Đại diện Chân Mây. - Tại tàu: đối với tàu du lịch; tàu biển đến từ những khu vực có dịch bệnh liên quan đến người, động vật hoặc thực vật; có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc đủ cơ sở để nghi ngờ tính xác thực của việc khai báo. - Hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển nếu thực hiện hồ sơ bằng thủ tục điện tử	Giải quyết ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ theo quy định.	TT261; TT90; TT74

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam		Mã số: QT.QLKCHT.18
			Lần ban hành 06
			Ngày ban hành: 01/01/2026

5.4. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	Diễn giải
B1		NLTT	Trước 08 giờ khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng	BM.QLKCHT18.BKC BM.QLKCHT18.XBTĐ	- Gửi TBTĐ chậm nhất trước 08 giờ trước khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng; - Tàu đến vị trí dự kiến đến cảng sớm hoặc muộn hơn 02 giờ so với thời gian trong thông báo tàu đến cảng biển phải thực hiện XBTĐ.
			Trước 02 giờ khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng		- Gửi TBTĐ chậm nhất trước 02 giờ trước khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng trường hợp tàu thuyền di chuyển giữa các cảng biển Việt Nam hoặc khu vực hàng hải không quá 20 hải lý. - Tàu đến vị trí dự kiến đến cảng sớm hoặc muộn hơn 02 giờ so với thời gian trong thông báo tàu đến cảng biển phải thực hiện XBTĐ.
B2		Chuyên viên thủ tục	02 giờ	BM.QLKCHT18.KHĐĐ BM.QLKCHT18.BSHS BM.QLKCHT18.TCHS BM.QLKCHT18.KSHS	- Sao, gửi CQQLNNCN các giấy tờ để làm thủ tục cho tàu thuyền. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, yêu cầu NLTT bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối tiếp nhận và nêu rõ lý do. Chuyển lại bước 1. - Trường hợp chấp thuận tàu đến cảng, chậm nhất 02 giờ từ lúc nhận TBTĐ, lập KHĐĐ chuyển lãnh đạo phòng xem xét.

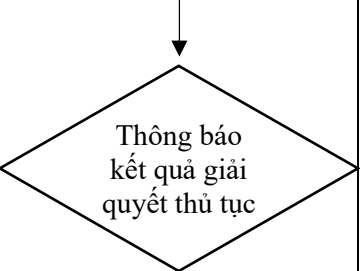
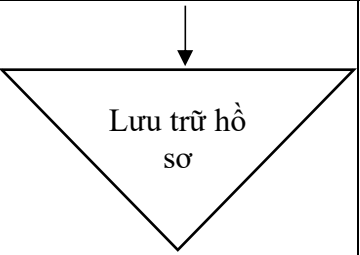
 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam		Mã số: QT.QLKCHT.18
			Lần ban hành 06
			Ngày ban hành: 01/01/2026

B3		Lãnh đạo phòng		BM.QLKCHT18.KHĐĐ	Xem xét KHĐĐ, trình Lãnh đạo đơn vị: - Nếu đồng ý trình Lãnh đạo đơn vị xem xét. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại bước 3.
B4		Lãnh đạo đơn vị	Trước 02 giờ khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng biển	BM.QLKCHT18.KHĐĐ	Xem xét, kiểm tra KHĐĐ: - Nếu đồng ý: Ký duyệt KHĐĐ; - Nếu không đồng ý: Chuyển lại Lãnh đạo Phòng xử lý.
B5		Chuyên viên thủ tục	Trước 02 giờ khi tàu đến vị trí dự kiến đến cảng biển	BM.QLKCHT18.KHĐĐ	- Gửi KHĐĐ cho tàu - Cập nhật lên Website đơn vị
B6		NLTT	Chậm nhất 02 giờ kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại các trí khác trong vùng nước cảng	BM.QLKCHT18.BKC BM.QLKCHT18.DSTV BM.QLKCHT18.DSHK BM.QLKCHT18.HHNH	Chậm nhất 02 giờ kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại cầu cảng hoặc 04 giờ kể từ khi tàu đã vào neo đậu tại các trí khác trong vùng nước cảng theo KHĐĐ, NLTT nộp, xuất trình các giấy tờ, tài liệu thủ tục tàu vào cảng dầu khí theo quy định.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam		Mã số: QT.QLKCHT.18
			Lần ban hành 06
			Ngày ban hành: 01/01/2026

B7	↓ Tiếp nhận và xử lý hồ sơ	Chuyên viên thủ tục	30 phút	BM.QLKCHT18.BSHS BM.QLKCHT18.TCTN BM.QLKCHT18.GBTP BM.QLKCHT18.KSHS BM.QLKCHT18.KQTT	- Sao, gửi CQQLNNCN các giấy tờ để làm thủ tục cho tàu thuyền. - Kiểm tra hồ sơ và các giấy tờ trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử liên quan theo quy định. Trường hợp các giấy tờ cần xuất trình không có trên hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử, đề nghị người làm thủ tục cung cấp. - Hồ sơ hợp lệ, lập GBTP chuyển Kế toán thu phí (trường hợp phải thu phí, lệ phí hàng hải 01 lượt đến). - Sau khi có kết quả giải quyết thủ tục của CQQLNNCN, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng xem xét. - Hồ sơ không hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung hoặc từ chối người làm thủ tục và nêu rõ lý do.
		Kế toán thu phí			Căn cứ GBTP (nếu có), Kế toán thu phí tính phí, lệ phí hàng hải cho tàu và thông báo kết quả thu phí, lệ phí hàng hải cho Chuyên viên thủ tục.
B8	↓ Xem xét hoàn thành thủ tục	Lãnh đạo phòng	10 phút	BM.QLKCHT18.KSHS BM.QLKCHT18.KQTT	Xem xét hồ sơ: - Nếu đồng ý, cho phép hoàn thành thủ tục. - Nếu không đồng ý: Chuyển lại bước 7.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam		Mã số: QT.QLKCHT.18
			Lần ban hành 06
			Ngày ban hành: 01/01/2026

B9	 Thông báo kết quả giải quyết thủ tục	Chuyên viên thủ tục	10 phút	BM.QLKCHT18.KQTT BM.QLKCHT18.STD	- Thông báo kết quả giải quyết hoàn thành thủ tục cho NLTT - Trường hợp gửi trực tiếp, đề nghị NLTT ký tên xác nhận vào Sổ theo dõi xử lý hồ sơ
B10	 Lưu trữ hồ sơ	Chuyên viên thủ tục	10 phút	BM.QLKCHT18.DMHS	Ghi chép hồ sơ tàu vào các sổ sách, bảng biểu, phần mềm theo dõi tàu của cơ quan và lưu hồ sơ theo quy định.

Ghi chú:

- NLTT gửi Thông báo tàu đến, xác báo tàu đến, hồ sơ, giấy tờ của tàu thuyền theo quy định bằng fax, thư điện tử cho cảng vụ hàng hải.
 - Chậm nhất 12 giờ, sau khi trở lại bờ, NLTT có trách nhiệm nộp đầy đủ các giấy tờ theo quy định. Đối với giấy tờ phải xuất trình, nộp bản sao có chữ ký xác nhận của thuyền trưởng và đóng dấu của tàu.
 - Trường hợp làm thủ tục điện tử: người làm thủ tục thực hiện khai báo, gửi hồ sơ thông qua Cổng thông tin điện tử và không phải nộp, xuất trình giấy tờ tại địa điểm làm thủ tục. Trường hợp giấy tờ khai báo, gửi qua Cổng thông tin điện tử không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu, người làm thủ tục nộp, xuất trình tại địa điểm làm thủ tục.
- Trường hợp quá hạn giải quyết, Chuyên viên thủ tục lập phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả theo Biểu mẫu BM.QLKCHT18.PXL, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời gian hẹn trả kết quả và thực hiện không quá 01 lần.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM.QLKCHT18.BKC	Thông báo tàu đến cảng, Bản khai chung
2	BM.QLKCHT18.XBTĐ	Xác báo tàu đến cảng
3	BM.QLKCHT18.KHĐĐ	Kế hoạch điều động tàu thuyền
4	BM.QLKCHT18.DSTV	Danh sách thuyền viên
5	BM.QLKCHT18.DSHK	Danh sách hành khách
6	BM.QLKCHT18.HHNH	Bản khai hàng hóa nguy hiểm
7	BM.QLKCHT18.GBTP	Giấy báo tính phí
8	BM.QLKCHT18.KQTT	Thông báo kết quả giải quyết thủ tục tàu thuyền
9	BM.QLKCHT18.BSHS	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
10	BM.QLKCHT18.TCHS	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
11	BM.QLKCHT18.PXL	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
12	BM.QLKCHT18.KSHS	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
13	BM.QLKCHT18.STD	Sổ theo dõi hồ sơ
14	BM.QLKCHT18.DMHS	Danh mục hồ sơ

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1	Thông báo tàu đến cảng
2	Xác báo tàu đến cảng (nếu có)
3	Kế hoạch điều động tàu thuyền
4	Bản khai chung
5	Danh sách thuyền viên
6	Danh sách hành khách (nếu có)

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

7	Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có)
8	Giấy phép rời cảng
9	Giấy báo tính phí (nếu có)
10	Thông báo kết quả giải quyết thủ tục tàu thuyền
11	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)
12	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có)
13	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có)
14	Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ
15	Danh mục hồ sơ
- Hồ sơ thủ tục điện tử được lưu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển. - Hồ sơ giấy được lưu tại đơn vị xử lý chính, trực tiếp, thời gian lưu theo quy định. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống Phòng TCHC của cơ quan và lưu trữ theo quy định hiện hành. - Trường hợp dừng thủ tục điện tử để làm giấy, các hồ sơ điện tử đã xử lý được lưu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển, các hồ sơ giải quyết bằng giấy được lưu tiếp tục theo hồ sơ giấy và ghi mã bản khai đã được lưu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến tàu thuyền vào rời cảng biển. - Đối với Hồ sơ thủ tục giấy, Sổ theo dõi giải quyết thủ tục hành chính được lập và lưu theo nhóm lĩnh vực thủ tục hành chính tàu thuyền vào, rời cảng (bao gồm phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB).	

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.BKC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom – Happiness

BẢN KHAI CHUNG
GENERAL DECLARATION

		Đến Arrival	Rời Departure
1.1 Tên và loại tàu: Name and type of ship		2. Cảng đến/rời Port of arrival/departure	3. Thời gian đến/rời cảng Date - time of arrival/departure
1.2 Số IMO: / IMO number			
1.3 Hồ hiệu: / Call sign			
1.4 Số đăng ký hành chính: Official number			
1.5 Số chuyến đi: Voyage number			
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship	5. Tên thuyền trưởng: Name of master	6. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call	
7. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)		8. Tên và địa chỉ liên lạc của người làm thủ tục: Name and contact details of the procurer	
9. Tổng dung tích: Gross tonnage	10. Trọng tải toàn phần: Deadweight (DWT)		
11. Số đăng kiểm Registry number			
12. Đặc điểm chính của chuyến đi: Brief particulars of voyage Các cảng trước: Previous ports of call Các cảng sẽ đến: Subsequent ports of call Các cảng sẽ dỡ hàng: Ports where remaining cargo will be discharged Số hàng còn lại: Remaining cargo			
13. Thông tin về hàng hóa vận chuyển trên tàu: Description of the cargo			
Loại hàng hóa Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Đơn vị tính Unit
Xuất khẩu Export cargo			
.....			
Nhập khẩu Import cargo			
....			
Nội địa Domestic cargo			
...			
Hàng trung chuyển Transshipment cargo			
.....			

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Thông tin về hàng hóa quá cảnh Description of the cargo in transit				
Loại hàng Kind of cargo	Tên hàng hóa Cargo name	Số lượng hàng hóa The quantity of cargo	Số lượng hàng hóa quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging	Đơn vị tính Unit
Hàng quá cảnh xếp dỡ tại cảng The quantity of cargo in transit loading, discharging at port				
...				
Hàng quá cảnh không xếp dỡ The quantity of cargo in transit				
...				
14. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. master)	15. Số hành khách Number of passengers	16. Ghi chú: Remarks - Mớn nước mũi, lái: Draft F/A - Chiều dài lớn nhất: LOA - Chiều rộng lớn nhất: Breadth - Chiều cao tính không: Air draft - Loại nhiên liệu sử dụng trên tàu: Type of fuel - Lượng nhiên liệu trên tàu: Remain on board (R.O.B) - Tên và địa chỉ chủ tàu: Name and address of the shipowners Các thông tin cần thiết khác (nếu có) And others (If any)		
Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) Attached documents (indicate number of copies)				
17. Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	18. Bản khai dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration			
19. Danh sách thuyền viên Crew List	20. Danh sách hành khách Passenger List	21. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities		
22. Bản khai hành lý thuyền viên(*) Crew's Effects Declaration(*)	23. Bản khai kiểm dịch y tế (*) Maritime Declaration of Health(*)			
24. Mã số Giấy phép rời cảng (*) Number of port clearance				

.....ngày ... tháng... năm ...

Date

Thuyền trưởng (đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (or authorized agent or officer)

Ghi chú:
Note:
(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng.
Only on arrival.
Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển.
No 1.2 and 1.3: Only for ships.
Mục 1.4 và 11 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.
No 1.4 and 11: Only for inland waterway ships.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.XBTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom – Happiness

XÁC BÁO TÀU ĐẾN CẢNG (QUÁ CẢNH)
CONFIRMATION OF ARRIVAL OF VESSEL AT THE PORT (TRANSIT)

1. Tên và loại tàu: Name and type of ship		4. Cảng đến Port of arrival	5. Thời gian đến Time of arrival
2. Số IMO: IMO number			
3. Hô hiệu: Call sign			
6. Số đăng ký hành chính: Official number			
7 Số đăng kiểm: Registry number			
8. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)			
9. Quốc tịch tàu Flag State of ship			
10. Tình trạng người trên tàu			
Người ốm (nếu có) Ill person (If any) Tên: Name: Tuổi: Age: Quốc tịch(*): National:	Người chết (nếu có) Dead person (If any) Tên: Name: Tuổi: Age: Quốc tịch(*): National:	Người cứu vớt được trên biển (nếu có) Rescued person (If any) Tên: Name: Tuổi: Age: Quốc tịch(*): National:	Người trốn trên tàu (nếu có) Stow away (If any) Tên: Name: Tuổi: Age: Quốc tịch(*): National:
Số định danh cá nhân: Personal identification number: Tình trạng bệnh tật: Illness status	Số định danh cá nhân: Personal identification number: Tình trạng bệnh tật: Illness status Lý do tử vong: Reason of dead	Số định danh cá nhân: Personal identification number:	Số định danh cá nhân: Personal identification number:

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Các yêu cầu liên quan khác Realavant requirements
--

..., ngày ... tháng ... năm...

Date

Thuyền trưởng (hoặc đại lý)

Master (or authorized agent)

Ghi chú:

Note:

Mục 2 và 3 chỉ khai đối với tàu biển.

No 2 and 3: Only for ships.

Mục 6 và 7 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 6 and 7: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.KHDD

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU THUYỀN

I. KẾ HOẠCH TÀU ĐẾN CẢNG

Thời gian <i>Time</i>	Tên tàu <i>Name of ship</i>	Mớn nước <i>Draft</i>	Chiều dài lớn nhất <i>LOA</i>	Trọng tải <i>DWT</i>	Tàu lai <i>Tug boat</i>	Tuyến luồng <i>Chanel</i>	Từ <i>From</i>	Đến <i>To</i>	Đại lý <i>Agent</i>

II. KẾ HOẠCH TÀU DI CHUYỂN

Thời gian <i>Time</i>	Tên tàu <i>Name of ship</i>	Mớn nước <i>Draft</i>	Chiều dài lớn nhất <i>LOA</i>	Trọng tải <i>DWT</i>	Tàu lai <i>Tug boat</i>	Tuyến luồng <i>Chanel</i>	Từ <i>From</i>	Đến <i>To</i>	Đại lý <i>Agent</i>

III. KẾ HOẠCH TÀU RỜI CẢNG

Thời gian <i>Time</i>	Tên tàu <i>Name of ship</i>	Mớn nước <i>Draft</i>	Chiều dài lớn nhất <i>LOA</i>	Trọng tải <i>DWT</i>	Tàu lai <i>Tug boat</i>	Tuyến luồng <i>Chanel</i>	Từ <i>From</i>	Đến <i>To</i>	Đại lý <i>Agent</i>

....., Ngày tháng năm 20....
GIÁM ĐỐC

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.DSTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom – Happiness

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
CREW LIST

		Đến Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No:
1.1 Tên tàu: Name of ship	2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure			3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure	
1.2 Số IMO: IMO number	1.3 Hô hiệu: Call sign			1.7 Số chuyến đi: Voyage number	
1.4 Số đăng kiểm: Registry number	1.5 Số đăng ký hành chính Official number				
1.6 Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)					
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship		5. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/port of destination			

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

STT No.	Họ và tên Family name, given name	Chức danh Rank of rating	Quốc tịch (*) Nationality	Ngày và nơi sinh (*) Date and place of birth	Loại và Số giấy tờ nhận dạng (Hộ chiếu của thuyền viên/ số định danh cá nhân/CMND) Nature and No. of identity document (seaman's passport/ Personal identification number)

..., ngày ... tháng... năm ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)

Master (Authorized agent or officer)

Ghi chú:

Note:

Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển;

No 1.2 and 1.3: Only for ships.

Mục 1.4 và 1.5 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 1.4 and 1.5: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.DSHK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom – Happiness

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
PASSENGER LIST

		Đến Arrival		Rời Departure	Trang số: Page No:		
1.1 Tên tàu: Name of ship		2. Cảng đến/rời: Port of arrival/departure			3. Ngày đến/rời: Date of arrival/departure		
1.2 Số IMO: IMO number:		1.3 Hô hiệu: Call sign			1.7 Số chuyến đi: Voyage number		
1.4 Số đăng kiểm Registry number		1.5 Số đăng ký hành chính: Official number					
1.6 Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng): Certificate of registry (Number, date, Port)							
4. Quốc tịch tàu: Flag State of ship							
Họ và tên	Quốc tịch (*) Nationality	Ngày và nơi sinh (*)	Loại Hộ chiếu Type	Số hộ chiếu/số định danh cá nhân/CMND	Cảng lên tàu Port of	Cảng rời tàu Port of	Hành khách quá cảnh hay

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Family name, given name		Date and place of birth	of identity or travel document	Serial number of identity or travel document /Personal identification number	embarkation	disembarkation	không Transit passenger or not

...ngày... tháng năm ...

Date.....

Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

Ghi chú:

Note:

Mục 1.2 và 1.3 chỉ khai đối với tàu biển;

No 1.2 and 1.3: Only for ships.

Mục 1.4 và 1.5 chỉ khai đối với phương tiện thủy nội địa.

No 1.4 and 1.5: Only for inland waterway ships.

(*) Mục này chỉ khai đối với người nước ngoài.

Only for foreigner.

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.HHNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM
DANGEROUS GOODS MANIFEST

1.1 Tên tàu Name of ship		1.2 Số IMO IMO Number		2. Quốc tịch tàu Flag state of ship		1.5 Tên thuyền trưởng: Master's Name					
1.3 Hô hiệu Call sign		3. Cảng nhận hàng Port of loading		4. Cảng trả hàng Port of discharge		1.6 Đại lý tàu biển: Shipping Agent					
1.4 Số chuyến đi: Voyage number											
5. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa và mã số tham chiếu Booking/ reference number	6. Ký hiệu và số kiện Marks & numbers container Id. NO(s) Vehicle Reg. No(s).	7. Số và loại bao kiện Number and kind of packages	8. Cty vận chuyển Proper shipping name	9. Loại hàng hóa Class	10. Số UN UN number	11. Nhóm hàng Packing group	12. Nhóm phụ số Subsidiary risk(s)	13. Điểm bốc cháy Flash point (In oC, c.c.)	14. Ô nhiễm biển Marine pollutant	15. Tổng khối lượng Mass (kg) Gross/Net	16. EmS

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Thông tin bổ sung: Additional Information											

....., ngày ... tháng năm 20 ...
Date.....
Thuyền trưởng (Đại lý hoặc sỹ quan được ủy quyền)
Master (Authorized agent or officer)

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.GBTP

GIẤY BÁO TÍNH PHÍ TẠI :

I. Phí, lệ phí Hàng hải: Lướt đến và rời ☐ Làm lại t.tục rời ☐

Tên tàu thuyền:.....; Quốc tịch:.....

Hồ hiệu:.....; GT:.....; DWT/TTT/HP/CV/KW/Ghế:.....

Loại: tàu hàng/tàu khách/tàu lai/tàu đặt cầu/sà lan/lash.

Biển ☐ Thủy ND ☐ Thủy nội địa VR-SB ☐

Cảng đến..... Cảng rời.....

Cảng đến t.theo:..... Đại lý:.....

Đến: ngày...../...../..... Rời: ngày...../...../.....

Chủ tàu/chủ hàng:.....

Mục đích đến cảng:..... Hành khách.....

Hàng: + Lượng hàng (xếp/dỡ):.....(T),Loại hàng:.....

+ Đến: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐

+ Đi: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐

TT	Thời gian neo đậu		Ghi chú (Nội/ngoại)
	Từ giờ, ngày	Đến giờ, ngày	

Số chuyến đến cảng trong tháng của tàu:.....

Số chuyến tàu khách cùng tổ chức, cá nhân đến cảng trong tháng:.....

* Ghi chú:.....

II. Phí chứng thực kháng nghị hàng hải: Số lần chứng thực

III. Phí khác:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Bộ phận thu phí

Bộ phận báo thu

GIẤY BÁO TÍNH PHÍ TẠI :

I. Phí, lệ phí Hàng hải: Lướt đến và rời ☐ Làm lại t.tục rời ☐

Tên tàu thuyền:.....; Quốc tịch:.....

Hồ hiệu:.....; GT:.....; DWT/TTT/HP/CV/KW/Ghế:.....

Loại: tàu hàng/tàu khách/tàu lai/tàu đặt cầu/sà lan/lash.

Biển ☐ Thủy ND ☐ Thủy nội địa VR-SB ☐

Cảng đến..... Cảng rời.....

Cảng đến t.theo:..... Đại lý:.....

Đến: ngày...../...../..... Rời: ngày...../...../.....

Chủ tàu/chủ hàng:.....

Mục đích đến cảng:..... Hành khách.....

Hàng: + Lượng hàng (xếp/dỡ):.....(T),Loại hàng:.....

+ Đến: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐

+ Đi: Xuất nhập khẩu ☐ Nội địa ☐ Khác:..... ☐

TT	Thời gian neo đậu		Ghi chú (Nội/ngoại)
	Từ giờ, ngày	Đến giờ, ngày	

Số chuyến đến cảng trong tháng của tàu:.....

Số chuyến tàu khách cùng tổ chức, cá nhân đến cảng trong tháng:.....

* Ghi chú:.....

II. Phí chứng thực kháng nghị hàng hải: Số lần chứng thực

III. Phí khác:

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Bộ phận thu phí

Bộ phận báo thu

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.KQTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC TÀU THUYỀN
KHU VỰC

I. THỦ TỤC TÀU THUYỀN ĐẾN CẢNG

1. Thông tin tàu đến cảng

Tên tàu:.....Tên thuyền trưởng:

Quốc tịch.....GRT:..... DWT..... Hàng hóa:.....

Số lượng thuyền viên:.....Số lượng hành khách:.....Cảng rời cuối cùng:.....

Hồ sơ, tài liệu tàu: ☐ Đầy đủ, phù hợp ☐ Chưa đầy đủ, phù hợp ☐

Ghi nội dung chưa đầy đủ, phù hợp (nếu có):

.....

.....

Hồ sơ, giấy tờ thuyền viên: ☐ Đầy đủ, phù hợp ☐ Chưa đầy đủ, phù hợp ☐

Ghi nội dung chưa đầy đủ, phù hợp (nếu có):

.....

.....

Thời gian tiếp nhận hồ sơ:.....

2. Thông báo kết quả thủ tục tàu đến cảng của các cơ quan chuyên ngành

Đã hoàn thành thủ tục tàu đến cảng lúc ...giờ.....ngày.....tháng.....năm 202..

Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế	Biên phòng CK cảng	Hải quan CK cảng	Kiểm dịch y tế
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

3. Ý kiến khác (ghi rõ nội dung nếu có):

.....

.....

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

II. THỦ TỤC TÀU THUYỀN RỜI CẢNG

1. Thông tin tàu rời cảng

Tên tàu:.....Tên thuyền trưởng:

Quốc tịch.....GRT:..... DWT..... Hàng hóa:.....

Số lượng thuyền viên:.....Số lượng hành khách:.....

Cảng đích:..... Thời gian tiếp nhận hồ sơ:.....

- Hồ sơ, tài liệu tàu thuyền thay đổi so với khi đến cảng: Có ☐ Không ☐

Ghi nội dung thay đổi (nếu có):

.....

.....

- Thay đổi thuyền viên, hành khách so với khi đến cảng: Có ☐ Không ☐

Ghi nội dung thay đổi (nếu có):

.....

2. Thông báo kết quả thủ tục tàu rời cảng của các cơ quan chuyên ngành

Đã hoàn thành thủ tục tàu rời cảng lúc ...giờ.....ngày.....tháng.....năm 202...

Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế	Biên phòng CK cảng	Hải quan CK cảng	Kiểm dịch y tế
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

3. Ý kiến khác (ghi rõ nội dung nếu có):

.....

.....

.....

.....

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.BSHS

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../HDHS Huế, ngày tháng năm 20

PHIẾU YÊU CẦU BỔ SUNG, HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Hồ sơ của:.....

Nội dung yêu cầu giải quyết:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại..... Email:.....

Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ gồm những nội dung sau:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Lý do:.....

.....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, ông (bà) liên hệ với
..... số điện thoại..... để được hướng dẫn./.

NGƯỜI HƯỚNG DẪN
(Ký và ghi rõ họ tên)

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.TCHS

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ Số:...../TCHS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> Huế, ngày tháng năm 20
--	--

PHIẾU TỪ CHỐI TIẾP NHẬN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.....
Tiếp nhận hồ sơ của:.....
Địa chỉ:
Số điện thoại: Email:.....
Nội dung yêu cầu giải quyết:.....
.....

Qua xem xét, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo không tiếp nhận, giải quyết hồ sơ này với lý do cụ thể như sau:

.....
.....
.....
.....
.....

Xin thông báo cho Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ (Ký và ghi rõ họ tên)	NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ (Ký và ghi rõ họ tên)
---	---

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam		Mã số: QT.QLKCHT.18
			Lần ban hành 06
			Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.PXL

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../PXL-CVHHTTH

Huế, ngày tháng năm 20

PHIẾU XIN LỖI VÀ HẸN LẠI NGÀY TRẢ KẾT QUẢ

Kính gửi:.....

Ngày.....tháng.....năm....., Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế tiếp nhận giải quyết hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam của Ông/Bà/Tổ chức.

Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ:.....giờ....., ngày tháng.....năm.....

Tuy nhiên đến nay, Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế chưa trả kết quả giải quyết hồ sơ của Ông/Bà/Tổ chức đúng thời hạn quy định ghi trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Lý do:.....

Sự chậm trễ này đã gây phiền hà, tốn kém chi phí, công sức của Ông/Bà/Tổ chức.

Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế xin lỗi Ông/Bà/Tổ chức và sẽ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho Ông/Bà/Tổ chức vào ngày.....tháng.....năm.....

Mong nhận được sự thông cảm của Ông/Bà/Tổ chức vì sự chậm trễ này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành: 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.KSHS

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Mã số hồ sơ:

Cơ quan (bộ phận) giải quyết hồ sơ:

Cơ quan phối hợp giải quyết hồ sơ:

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ (Trước hạn/đúng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao:	...giờ.....phút, ngày..../..../...			
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:	Người giao	Người nhận		
2. Nhận:				
1. Giao:	...giờ.....phút, ngày..../..../...			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
1. Giao:	...giờ.....phút, ngày..../..../...			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
.....				
.....				
1. Giao:	...giờ.....phút, ngày..../..../...			
2. Nhận:	Người giao	Người nhận		
Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:				
.....				

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.STD

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI HỒ SƠ

Lĩnh vực Thủ tục hành chính tàu thuyền vào, rời cảng
(bao gồm Phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB)
khu vực()*

STT	Mã hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Tên, tổ chức/cá nhân	Địa chỉ, số điện thoại	Nhận và trả kết quả				
					Nhận hồ sơ	Hẹn trả kết quả	Trả kết quả	Phương thức nhận kết quả	Ký nhận

Ghi chú:

(*): Theo từng khu vực thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế

 CẢNG VỤ HÀNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ	QUY TRÌNH Thủ tục tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Mã số: QT.QLKCHT.18
		Lần ban hành 06
		Ngày ban hành: 01/01/2026

Biểu mẫu BM.QLKCHT18.DMHS

DANH MỤC HỒ SƠ

TÊN TÀU..... ☐ **Tàu biển** ☐ **PTTND cấp VR-SB**

MÃ HỒ SƠ:.....

Stt	Danh mục hồ sơ tàu đến	Có	Không
01	Thông báo tàu đến cảng		
02	Xác báo tàu đến cảng (nếu có)		
03	Kế hoạch điều động (Số lượng:.....)		
04	Bản khai chung		
05	Danh sách thuyền viên		
06	Danh sách hành khách (nếu có)		
07	Bản khai hàng hoá nguy hiểm (nếu có)		
08	Giấy phép rời cảng		
09	Giấy báo tính phí (nếu có)		
10	Thông báo kết quả giải quyết thủ tục tàu thuyền		
11	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có)		
12	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có)		
13	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có)		
14	Phiếu kiểm soát quá trình xử lý hồ sơ		
15	Một số giấy tờ khác		

Ghi chú: Mã hồ sơ theo định dạng: CVHHTTH-YYMMDD-000X-TVCDK-.....

Trong đó:

- YYMMDD là ngày tiếp nhận hồ sơ, bao gồm 06 ký tự số; trong đó: YY là 02 chữ số cuối của năm, MM là 02 chữ số của tháng, DD là 02 chữ số của ngày.
- XXXX là số thứ tự hồ sơ tiếp nhận trong ngày, gồm 04 ký tự số
-: là địa điểm tiếp nhận hồ sơ, khu vực Thuận An: TA, khu vực Chân Mây: CM.